

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/HS-ST

Ngày: 21/6/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Loan.

Ông Trần Đức Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần văn S (tên thường gọi là Sun); Sinh ngày: 17/12/1995; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 319/1 đường LHP, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn S1 và bà: Nguyễn Thị N; Có vợ: Là bà Trương Thị D và con: Có 01 người con, sinh ngày 02/11/2021; Bị bắt, tạm giam ngày 04/12/2021.

Tiền án:

- Ngày 24/7/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 130/2018/HS-ST). Đã thi hành xong án phí ngày 05/01/2019 (Công văn trả lời xác minh số: 384/CCTHADS ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 08/01/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Cướp giật tài sản». Tổng hợp với hình phạt 01 năm 03 tháng tù của Bản án số: 130/2018/HS-ST ngày 24/7/2018 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 03 tháng tù. (Bản án số: 01/2019/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2021 và đã thi hành xong án phí ngày 03/7/2019 (Giấy

chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 142/GCN của Trại giam Huy Khiêm và Công văn trả lời xác minh số: 385/CCTHADS ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tiền sự: Ngày 25/10/2021, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 887/QĐ-UBND).

Nhân thân: Ngày 18/12/2013, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 318/2013/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2016 và đã thi hành xong án phí ngày 26/3/2014 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 77/GCN của Trại giam Thủ Đức và Công văn trả lời xác minh số: 386/CCTHADS ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. **Nguyễn Tấn T**; Sinh ngày: 25/01/1989; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 313B đường LHP, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 1/12 (bị cáo khai biết đọc, biết viết); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc T1 và bà: Lê Thị Thu Th; Có vợ: Là bà Dương Thị Tú P và con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh ngày 01/02/2021; Tiền án: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 15/02/2022.

Tiền sự: Ngày 26/10/2021, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 893/QĐ-UBND).

Nhân thân:

- Ngày 04/7/2006, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 204/2006/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/12/2006 và đã thi hành xong án phí ngày 12/7/2010 (Công văn trả lời xác minh số: 727/CV-TGCC ngày 14/4/2022 của Trại giam Cây Cày và Công văn trả lời xác minh số: 383/CCTHADS ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 23/6/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 170/2011/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/02/2013 và đã thi hành xong án phí ngày 25/9/2014 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 255/GCN của Trại giam An Phước và Công văn trả lời xác minh số: 382/CCTHADS ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 23/4/2014, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 106/2014/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2017 và đã thi hành xong án phí ngày 28/8/2015 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 111/GCN của Trại giam Xuyên Mộc và Công văn trả lời xác minh số:

776/CCTHADS ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 29/3/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 21 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 157/2018/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 12/10/2019 (Giấy chứng nhận số: 739/CN-CSPV ngày 30/8/2019 của Cơ sở cai nghiện ma túy - Bảo trợ Xã hội Phú Văn).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Hồng H; Sinh năm: 1996; Thường trú: Ấp BS, thị trấn NS, huyện TS, tỉnh An Giang; Chỗ ở: 119 đường NVL, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Viết H1; Sinh năm: 1999; Thường trú: Thôn MP, xã ĐP, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở: 119 đường NVL, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có yêu cầu xét xử vắng mặt)

3. Ông Trần Hữu T1; Sinh năm: 1968; Trú tại: 27/21B1 đường VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc Ng; Sinh năm: 1978; Trú tại: 27/21B1 đường VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Bà Trần Thị Ngọc T2; Sinh năm: 2001; Trú tại: 27/21B1 đường VT, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trương Thị D; Sinh năm: 1997; Thường trú: Ấp KB, xã HH, huyện CL, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở: 319/1 đường LHP, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Hộ kinh doanh BV-H; Địa chỉ: 402 đường ADV, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện Hộ kinh doanh: Ông Trần Thế H3; Sinh năm: 1958; Trú tại: 408 đường ADV, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Ông Bùi Văn T3; Sinh năm: 1983; Thường trú: 5/17/1 đường Lương Thế Vinh, T phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: 402 đường ADV, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Tạ Văn Đ; Sinh năm: 1989; Thường trú: Đội 11, xã TT, huyện TN, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: 402 đường ADV, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Ng; Sinh năm: 1971; Trú tại: 313B đường LHP, Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Bà Đặng Thị Công T4; Sinh năm: 1966; Thường trú: 103A đường TQ, Phường D, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 98/37-39 đường BTĐ, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Khánh P; Sinh năm: 1991; Trú tại: 27/20 đường VT, phường LT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

8. Ông Lê Minh T5; Sinh năm: 1986; Thường trú: 1330 đường KVC, khu phố 4, phường LT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua điều tra, truy xét trong khoảng thời gian từ ngày 24/11/2021 đến ngày 02/12/2021, Trần văn S, Nguyễn Tấn T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào lúc 03 giờ 40 phút ngày 24/11/2021, Nguyễn Tấn T rủ Trần văn S đi tìm tài sản lấy trộm. Sau khi đồng ý, S điều khiển xe gắn máy biển số 52M7-4252 (hiệu Mingxing) chở T chạy lòng vòng qua các tuyến đường trên địa bàn Quận 6 tìm tài sản sơ hở chiếm đoạt. Khi đi đến trước cửa hàng giao hàng nhanh «GHN» - số 119 đường NVL, Phường J, Quận F, T phát hiện cửa ra vào mở mà không có người trông coi, nên kêu S dừng xe đứng canh giới, còn T lên vào bên trong cửa hàng lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 màu xanh đen (phía sau ốp lưng có để 1.000.000 đồng) của ông Nguyễn Hồng H đang để trên ghế ngồi làm việc (gần cửa ra vào) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xám của ông Nguyễn Viết H1 đang để dưới đất bên cạnh chỗ ông H1 đang nằm ngủ rồi quay ra chỗ S đang chờ chờ tẩu thoát. Sau đó, T và S đem 03 chiếc điện thoại bán cho một người tên Phát (không rõ lai lịch) lấy 8.400.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Về phần các ông Nguyễn Hồng H, Nguyễn Viết H1 sau khi phát hiện thấy mất 03 chiếc điện thoại đã đến Công an Phường 10, Quận 6 trình báo sự việc.

Vụ thứ Hai: Sau khi thống nhất cùng nhau đi tìm tài sản lấy trộm, khoảng 01 giờ ngày 02/12/2021, S điều khiển xe gắn máy biển số 59X2-131.14 (hiệu Yamaha Taurus) chở T chạy lòng vòng qua các tuyến đường trên địa bàn Quận 6 tìm tài sản. Khi chạy ngang nhà của ông Trần Hữu T tại số 27/21B1 đường VT, Phường H, Quận F, T thấy cửa sổ lầu 1 mở nên chỉ cho S thấy. S dừng xe lại, sau đó đi đến ngồi lên bậc thềm bên trái phía trước nhà dùng vai đỡ T trèo lên ban công lầu 1. Sau khi đột nhập vào phòng ngủ phía trước lầu 1 (phòng của bà Nguyễn Thị Ngọc Ng), T lấy 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Oppo A9, 01 chiếc hiệu Samsung Galaxy A50) rồi đi lên phòng ngủ phía trước lầu 2 (phòng của bà Trần Thị Ngọc T2) lấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 và 01 con heo đất (để sát tường phía dưới tivi). Sau đó, T đi xuống phòng phía sau lầu 1 dùng chìa khóa cửa phòng cạy bể phần đuôi con heo đất lấy hết tiền bên trong (khoảng hơn 10.000.000 đồng) cất vào trong túi quần. Tiếp tục, T đi xuống tầng trệt, vào phòng phía sau của ông Trần Hữu T (lúc này ông T đang nằm ngủ) lấy 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Oppo Reno 4, 01 chiếc hiệu Samsung Galaxy J6), 01 cái bóp (bên trong có khoảng 15.000.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân). Xong, T ra phòng khách mở cửa chính để S vào nhà. S vào lấy chìa khóa xe đang để trên bàn trong phòng khách dẫn chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 59K2-262.89 ra dựng ở cổng, rồi quay vào dẫn tiếp chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số 59K2-156.37 ra ngoài. Sau đó, S điều khiển xe Honda Vario, T điều khiển xe Honda Vision cùng chạy đến trước nhà số 231/4 đường BT, Phường H, Quận F để xe Honda Vision lại, S dùng xe Honda Vario chở T quay lại nhà số 27/21B1 đường VT lấy xe Yamaha Taurus của S đem về dựng trước nhà số 26 đường BT, Phường C, Quận F rồi cả hai quay lại chỗ để chiếc xe Honda Vision (trước nhà số 231/4 đường BT). Tại đây, T nói cho S biết lấy được 05 chiếc điện thoại và số tiền hơn 20.000.000 đồng, đồng thời đưa hết cho S giữ. Sau đó, S gọi điện cho một người tên Phát (không rõ lai lịch) để bán 05 chiếc điện thoại với giá 14.000.000 đồng và chiếc xe Honda Vision với giá 7.500.000 đồng. Riêng chiếc xe Honda Vario, Phát trả giá rẻ nên S không bán mà đem đi cầm, nhưng do cả S và T đều không có giấy tờ tùy thân nên S đã nhờ Trương Thị D (vợ S) đem xe đến tiệm cầm đồ BV - số 402 đường ADV, Phường J, Quận F cầm cho ông Tạ Văn Đ với giá 21.000.000 đồng. Sau khi có tiền, S và T chia nhau mỗi người 31.500.000 đồng tiêu xài.

Về phía gia đình ông Trần Hữu T, sau khi ngủ dậy phát hiện thấy mất tài sản đã đến Công an Phường 8, Quận 6 trình báo sự việc.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã bắt giữ Trần văn S, Nguyễn Tấn T. Qua đấu tranh, S và T đều khai nhận nội dung như nêu trên.

Bị hại và người làm chứng khai cũng tương tự.

Riêng ông Nguyễn Viết H1 khai sau khi bị mất điện thoại, ông H1 kiểm tra thông tin tài khoản ngân hàng thì phát hiện đã bị chuyển 20.000.000 đồng qua ứng dụng MoMo từ tài khoản Techcombank và 13.000.000 đồng từ Ngân hàng Á

Châu đến tài khoản của Lê Thanh T6 và Vùi Thanh T7. Tuy nhiên, ông H1 đề nghị khi nào Cơ quan điều tra bắt được đối tượng tên Phát điều tra, làm rõ sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Quá trình điều tra, ông Bùi Văn T3 (quản lý tiệm cầm đồ BV) đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số 59K2-156.37 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 055346 ngày 02/8/2017 (mang tên Trần Hữu T).

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, Cơ quan điều tra quyết định trưng cầu giám định 07 dấu vết đường vân thu tại hiện trường vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại nhà số 27/21B đường VT, Phường H, Quận F (ký hiệu từ A1 đến A7) với Chỉ bản không số mang tên Trần văn S (ký hiệu M1); Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân mang tên Nguyễn Tấn T (ký hiệu M2); Bản sao chụp Chỉ bản số 718, lập ngày 27/11/2013 tại Công an quận Bình Tân, mang tên Nguyễn Tấn T (ký hiệu M3) để xác định dấu vết đường vân thu giữ tại hiện trường có trùng với dấu vân tay trên chỉ bản của Trần Văn S, Nguyễn Tấn T không.

Và tại Kết luận giám định số: 212/KLGD-TT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

1. Dấu vết đường vân cần giám định (ký hiệu A1) so với dấu vân tay ngón trỏ trái của Nguyễn Tấn T trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh (ký hiệu M2) là dấu vân tay của cùng một người.

2. Dấu vết đường vân cần giám định (ký hiệu A2) so với dấu vân tay ngón trỏ phải của Nguyễn Tấn T trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh (ký hiệu M2) là dấu vân tay của cùng một người.

3. Dấu vết đường vân cần giám định (ký hiệu A3 đến A7) không đủ yếu tố giám định.

Tại ba Kết luận định giá tài sản số: 180/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 12 năm 2021, số: 191/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 12 năm 2021 và số: 196/KL-HĐĐGTS ngày 31 tháng 12 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá các tài sản bị chiếm đoạt như sau:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xám 64Gb (tình trạng sử dụng còn khoảng 95%) tại thời điểm ngày 24/11/2021, có giá là: 13.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen 32Gb (tình trạng sử dụng còn khoảng 70%) tại thời điểm ngày 24/11/2021, có giá là: 4.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8, màu xanh đen 64Gb (tình trạng sử dụng còn khoảng 70%) tại thời điểm ngày 24/11/2021, có giá là: 3.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 59K2-156.37, hiệu Honda Vario 150, màu đỏ-đen, số khung MH1KF1126HK066947, số máy KF11E2063531 (tình trạng sử dụng còn khoảng 80%) tại thời điểm ngày 02/12/2021, có giá là: 55.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 59K2-262.89, hiệu Honda Vision, màu đỏ-đen, số khung RLHJF5814GY750896, số máy JF66E0520061 (tình trạng sử dụng còn khoảng 60%) tại thời điểm ngày 02/12/2021, có giá là: 24.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh 64Gb, số Imei/Meid 353855326905205 (tình trạng sử dụng còn khoảng 90%) tại thời điểm ngày 02/12/2021, có giá là: 9.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6, màu đen 64Gb (tình trạng sử dụng còn khoảng 40%) tại thời điểm ngày 02/12/2021, có giá là: 2.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A9 128Gb, màu tím, Imei 1: 860028041058538, Imei 2: 8600280410585520 (tình trạng sử dụng còn khoảng 80%) tại thời điểm ngày 02/12/2021, có giá là: 3.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50s 64Gb, màu xanh, Imei 352049/11/144533/5 (tình trạng sử dụng còn khoảng 70%) tại thời điểm ngày 02/12/2021, có giá là: 2.500.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 4 128Gb, màu tím, Imei 1: 869474053567126, Imei 2: 869474053567126 (tình trạng sử dụng còn khoảng 80%) tại thời điểm ngày 02/12/2021, có giá là: 4.500.000 đồng.

Còn 01 ví tiền bằng da màu vàng, không rõ nhãn hiệu (bị hại khai mua năm 2019 với giá 100.000 đồng, hiện còn khoảng 20% giá trị sử dụng), do không cung cấp đầy đủ thông tin (không có hiệu, mã sản phẩm), nên Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6 từ chối định giá.

Đối với bà Trương Thị D là người có hành vi đem chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số 59K2-156.37 đi cầm và các ông Bùi Văn T3, Tạ Văn Đ là những người có hành vi cầm chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số 59K2-156.37 từ Trương Thị D, nhưng các ông, bà này đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với người tên Phát hiện chưa xác định được lai lịch. Ngày 29/4/2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã ra thông báo truy tìm đối với Phát (Thông báo số: 1960/TB-ĐCSHS), khi nào bắt được đối tượng này điều tra làm rõ giải quyết sau.

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKS-Q6 ngày 16 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T đều khai nhận chính các bị cáo đã thực hiện hành vi đột nhập vào nhà số 119 đường NVL, Phường J, Quận F (cửa hàng giao hàng nhanh «GHN») và nhà số 27/21B1 đường VT, Phường H, Quận F lấy trộm tiền, điện thoại, xe gắn máy đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài như nội dung bản cáo trạng nêu và các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại;

Bị hại Trần Hữu T khai tương tự như nội dung bản cáo trạng và xác nhận ngày 02/12/2021 ông bị mất 02 chiếc xe gắn máy (01 chiếc hiệu Honda Vario 150 biển số 59K2-156.37 và 01 chiếc hiệu Honda Vision, biển số 59K2-262.89); 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Samsung Galaxy J6, 01 chiếc hiệu

Oppo Reno 4 128Gb); 01 cái bóp bên trong có khoảng 25.000.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân. Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe gắn máy biển số 59K2-156.37 trả cho ông. Đối với các tài sản bị thiệt hại gồm chiếc xe gắn máy biển số 59K2-262.89 và 02 chiếc điện thoại, ông yêu cầu các bị cáo bồi thường cho ông theo định giá của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6. Còn tiền thì ông yêu cầu bồi thường 15.000.000 đồng. Ngoài ra, ông không có ý kiến hay yêu cầu bồi thường gì thêm;

Bị hại Trần Thị Ngọc T2 xác nhận bị mất 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Iphone 11 màu xanh 64Gb, 01 chiếc hiệu Samsung Galaxy A50s 64Gb) và 01 con heo đất bên trong có hơn 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà yêu cầu các bị cáo bồi thường cho bà 10.000.000 đồng và trị giá 02 chiếc điện thoại trên theo định giá của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trần văn S từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 04 năm đến 05 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Buộc các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T nộp lại 21.000.000 đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Hồng H 8.000.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Viết H1 13.000.000 đồng; bồi thường cho ông Trần Hữu T 45.500.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ng 3.000.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị Ngọc T2 21.500.000 đồng.

Đối với số tiền 33.000.000 đồng mà ông Nguyễn Viết H1 khai bị mất, ông H1 không yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà đề nghị khi nào Cơ quan điều tra bắt được đối tượng tên Phát điều tra, làm rõ sẽ yêu cầu giải quyết sau, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo thun tay dài, màu xám đen, sọc ngang (có hoa văn in chữ GUGGI); 01 chiếc áo Jean tay dài, màu xám đen (dưới cổ áo có ghi chữ Abercrombie & Fitch, New York); 01 chiếc quần sọt màu xám đen (trước quần có thêu hoa văn hình ngôi sao màu trắng, ống quần bên

trái có nhãn màu trắng, có chữ ESPRIT màu đỏ); 01 đôi dép màu đen số 41 (quai dép có chữ HAFA STAR); 01 con heo đất màu xanh đỏ (bề phần đuôi); 01 chiếc ví màu nâu (có chữ Polo); 01 nón bảo hiểm màu xanh (có chữ Piaggio); 01 chiếc ví hình chữ nhật màu đen (có chữ DEGREY); 01 hộp giấy màu đen (có chữ CHARELS & KEITH); 01 hộp giấy màu xanh trắng (có chữ Oppo Reno 4); 01 hộp giấy màu trắng (có chữ Oppo A9); 01 hộp giấy màu trắng (có chữ Samsung A50); 01 hộp giấy màu trắng (có chữ Iphone).

Giao 01 chiếc xe gắn máy biển số 59X2-131.14, số máy: 16S2-166058, số khung: RLCS16S20BY166073 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Taurus, sơn màu Đen, dung tích 113) và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 004326 ngày 02/7/2011 (mang tên Lê Minh T5) cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục thông báo giải quyết theo diện tài sản vắng chủ.

Giao 01 chiếc xe gắn máy biển số 52M7-4252, số máy: 1P50FMG-310053506, số khung: VFCPCG0A3YF010591 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Mingxing, sơn màu Nâu, dung tích 97) cho Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giữ để điều tra, làm rõ xử lý sau theo quy định của pháp luật, do xét thấy có liên quan trong vụ án trộm cắp tài sản.

Trả lại bị cáo Nguyễn Tấn T 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Tấn T.

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Đối với 01 USB hiệu SanDisk và 01 USB có ghi chữ SDCZ33 8Gb (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Trần văn S, Nguyễn Tấn T lấy trộm tài sản tại nhà số 119 đường NVL, Phường J, Quận F và nhà số 27/21B1 đường VT, Phường H, Quận F); 01 USB hiệu Hoco 8Gb màu đen (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Trần văn S, Trương Thị D đem chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số 59K2-156.37 đi cầm tại tiệm cầm đồ BV), đều đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Ngô Quang Bình và hình dấu Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL496), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera, Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 03/12/2021 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 180/KL-HĐĐGTS ngày 03/12/2021, số: 191/KL-HĐĐGTS ngày 24/12/2021 và số: 196/KL-HĐĐGTS ngày 31/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; Kết luận giám định số: 212/KLGD-TT ngày 31/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh; lời khai của bị hại Nguyễn Hồng H, Nguyễn Viết H1, Trần Hữu T, Nguyễn Thị Ngọc Ng, Trần Thị Ngọc T2; của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Bùi Văn T3, Tạ Văn Đ và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T đã phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

[2.1] Với ý định phạm tội có từ trước, vào lúc 01 giờ ngày 02/12/2021, các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T đã lén lút đột nhập vào nhà số 27/21B1 đường VT, Phường H, Quận F lấy trộm của các ông, bà Trần Hữu T, Nguyễn Thị Ngọc Ng, Trần Thị Ngọc T2 02 chiếc xe gắn máy (01 chiếc hiệu Honda Vario 150, màu đỏ-đen, biển số 59K2-156.37 trị giá 55.000.000 đồng; 01 chiếc hiệu Honda Vision, màu đỏ-đen, biển số 59K2-262.89 trị giá 24.000.000 đồng); 05 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Iphone 11, màu xanh 64Gb trị giá 9.000.000 đồng; 01 chiếc hiệu Samsung Galaxy J6, màu đen 64Gb trị giá 2.000.000 đồng; 01 chiếc hiệu Oppo A9 128Gb, màu tím trị giá 3.000.000 đồng; 01 chiếc hiệu Samsung Galaxy A50s 64Gb, màu xanh trị giá 2.500.000 đồng; 01 chiếc hiệu Oppo Reno 4 128Gb, màu tím trị giá 4.500.000 đồng); 01 con heo đất (bên trong có 10.000.000 đồng); 01 cái bóp (bên trong có 15.000.000 đồng). Ngoài ra, trước đó (vào lúc 03 giờ 40 phút ngày 24/11/2021), các bị cáo đã đột nhập vào cửa hàng giao hàng nhanh «GHN» tại địa chỉ 119 đường NVL, Phường J, Quận F lấy trộm của ông Nguyễn Hồng H 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Iphone 7 Plus màu đen trị giá 4.000.000 đồng, 01 chiếc hiệu Samsung Galaxy Note 8 màu xanh đen trị giá 3.000.000 đồng) và số tiền 1.000.000 đồng (để trong ốp điện thoại Samsung Galaxy Note 8 màu xanh đen); lấy trộm của ông Nguyễn Viết H1 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xám trị giá 13.000.000 đồng. Cả 02 lần lấy trộm tài sản này, theo lời khai của các bị cáo thì bị cáo T là

người chủ động rủ rê, ngoài việc phát hiện tài sản chỉ cho bị cáo S thấy, bị cáo còn là người trực tiếp đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản. Bị cáo S ngoài việc giúp sức tích cực cho bị cáo T trong việc chiếm đoạt tài sản, bị cáo còn là người trực tiếp lấy trộm 02 chiếc xe gắn máy tại nhà số 27/21B1 đường VT, Phường H, Quận F. Và sau khi chiếm đoạt được tài sản các bị cáo đã cùng đem tài sản đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an chung. Và tổng trị giá tài sản mà các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T chiếm đoạt trong hai ngày 24/11/2021, ngày 02/12/2021 là 146.000.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội: «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng» theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T đều là những người đã trưởng T, các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Trong khoảng thời gian ngắn, các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T đã liên tiếp 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác (mỗi lần chiếm đoạt tài sản đều trị giá trên 2.000.000 đồng), là phạm tội thuộc trường hợp «Phạm tội 02 lần trở lên», đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.1] Riêng bị cáo Trần văn S đã hai lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm, nên bị cáo còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu, đó là ngày 25/10/2021 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8 quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy; ngày 18/12/2013, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 04 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản».

[3.2] Bị cáo Nguyễn Tấn T, ngày 26/10/2021 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8 quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy; ngày 04/7/2006, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 09 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 23/6/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 02 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 23/4/2014, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 29/3/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 8 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 21 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy.

Cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục nhiều lần, các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội. Chứng tỏ các bị cáo là những người hết sức xem thường pháp luật.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T là nghiêm trọng, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ T khẩn khai báo, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia phạm tội của từng bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, thì các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Việc bồi thường thiệt hại:

[7.1] Xét yêu cầu của các ông, bà Nguyễn Hồng H, Nguyễn Viết H1, Trần Hữu T, Nguyễn Thị Ngọc Ng, Trần Thị Ngọc T2 đòi các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Tấn T bồi thường cho các ông, bà trị giá các tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt đem bán không thu hồi được theo định giá của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6. Cụ thể, ông H yêu cầu bồi thường trị giá 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Iphone 7 Plus màu đen 32Gb, 01 chiếc hiệu Samsung Note 8 màu xanh đen) và số tiền 1.000.000 đồng (để trong ốp lưng điện thoại). Ông H1 yêu cầu bồi thường trị giá điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xám 64Gb. Ông T yêu cầu bồi thường trị giá chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 59K2-262.89, trị giá 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Samsung Galaxy J6, 01 chiếc hiệu Oppo Reno 4 128Gb) và số tiền 15.000.000 đồng (để trong cái bóp). Bà Ng yêu cầu bồi thường trị giá chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A9 128Gb. Bà T2 yêu cầu bồi thường trị giá 02 chiếc điện thoại di động (01 chiếc hiệu Iphone 11 màu xanh 64Gb, 01 chiếc hiệu Samsung Galaxy A50s 64Gb) và số tiền 10.000.000 đồng (để trong con heo đất), là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 180/KL-HĐĐGTS ngày 03/12/2021 và số: 191/KL-HĐĐGTS ngày

24/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho Hậu tổng cộng 8.000.000 đồng, bồi thường cho ông H1 13.000.000 đồng, bồi thường cho ông T tổng cộng 45.500.000 đồng, bồi thường cho bà Ng 3.000.000 đồng, bồi thường cho bà T2 tổng cộng 21.500.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày các ông, bà Nguyễn Hồng H, Nguyễn Viết H1, Trần Hữu T, Nguyễn Thị Ngọc Ng, Trần Thị Ngọc T2 có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Tấn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Tấn T còn phải trả các ông, bà Nguyễn Hồng H, Nguyễn Viết H1, Trần Hữu T, Nguyễn Thị Ngọc Ng, Trần Thị Ngọc T2 khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7.2] Đối với số tiền 33.000.000 đồng mà ông Nguyễn Viết H1 khai bị mất, ông H1 không yêu cầu giải quyết trong vụ án này (theo Biên bản ghi lời khai ngày 29/4/2022 của Công an Quận 6 và Đơn tường trình gửi Tòa án nhân dân Quận 6 ngày 13/6/2022 của ông Nguyễn Viết H1), do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Chiếc xe gắn máy biển số 59X2-131.14 mà các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Tấn T sử dụng làm phương tiện phạm tội, theo Phiếu trả lời xác minh số: 27 ngày 21/12/2021 của Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL405) và Giấy chứng Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 004326 ngày 02/7/2011 của Công an quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (BL412) thì chiếc xe có số máy: 16S2-166058, số khung: RLCS16S20BY166073 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Taurus, sơn màu Đen, dung tích 113), do ông Lê Minh T5, trú tại 1330 đường Kha Vạn Cân, khu phố 4, phường LT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ xe. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an phường LT, quận TĐ được biết ông T5 không còn cư ngụ tại địa chỉ trên, hiện đi đâu không rõ (BL344), nên Cơ quan điều tra Công an Quận 6 không tiến hành ghi lời khai được. Còn bị cáo S khai mua chiếc xe từ một người đàn ông (không rõ lai lịch). Ngày 06/01/2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã đề nghị thông báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe gắn máy trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL88), nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy biển số 59X2-131.14 hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nên Hội đồng xét xử giao chiếc xe lại cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm, nếu hết thời hạn trên mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của

chiếc xe thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[8.2] Đối với 01 chiếc áo thun tay dài, màu xám đen, sọc ngang, có hoa văn in chữ GUGGI; 01 chiếc áo Jean tay dài, màu xám đen, dưới cổ áo có ghi chữ Abercrombie & Fitch, New York; 01 chiếc quần sọt màu xám đen, trước quần có thêu hoa văn hình ngôi sao màu trắng, ống quần bên trái có nhãn màu trắng, có chữ ESPRIT màu đỏ; 01 đôi dép màu đen số 41, quai dép có chữ HAFA STAR; 01 nón bảo hiểm màu xanh, có chữ Piaggio (các bị cáo Trần văn S, Nguyễn Tấn T sử dụng lúc lấy trộm tài sản); 01 chiếc ví màu nâu, có chữ Polo; 01 chiếc ví hình chữ nhật màu đen (có chữ DEGREY); 01 hộp giấy màu đen (có chữ CHARELS & KEITH); 01 hộp giấy màu xanh trắng (có chữ Oppo Reno 4); 01 hộp giấy màu trắng (có chữ Oppo A9); 01 hộp giấy màu trắng (có chữ Samsung A50); 01 hộp giấy màu trắng (có chữ Iphone); 01 con heo đất màu xanh đỏ (bề phần đuôi), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.3] Đối với chiếc xe gắn máy biển số 52M7-4252 thu giữ của bị cáo Trần văn S, bị cáo khai là xe của bà Nguyễn Thị Ng (mẹ bị cáo), theo Phiếu trả lời xác minh ngày 14/12/2021 của Công an Quận 6 (BL408) thì chiếc xe này có số máy: 1P50FMG-310053506, số khung: VFCPCG0A3YF010591 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Mingxing, sơn màu Nâu, dung tích 97), do bà Đặng Thị Công T4 đứng tên chủ xe. Quá trình điều tra, bà Tâm khai bị mất, nhưng không trình báo cơ quan công an (do thời gian lâu quá nên bà cũng không nhớ là mất ở đâu). Còn bà Ng khai mua chiếc xe từ một người không rõ lai lịch, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu. Xét thấy chiếc xe biển số 52M7-4252 có liên quan trong vụ án trộm cắp tài sản, nên Hội đồng xét xử giao chiếc xe lại cho Công an Quận 6 giữ để điều tra, làm rõ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[8.4] Còn 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Tấn T, Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo hai Phiếu nhập kho vật chứng số: 104/PNK ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 26/QĐ-VKS-Q6 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Công an Quận 6)

[8.5] Đối với 01 USB hiệu SanDisk và 01 USB có ghi chữ SDCZ33 8Gb (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Trần văn S, Nguyễn Tấn T lấy trộm tài sản tại nhà số 119 đường NVL, Phường J, Quận F và nhà số 27/21B1 đường VT, Phường H, Quận F); 01 USB hiệu Hoco 8Gb màu đen (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Trần văn S, Trương Thị D đem chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số 59K2-156.37 đi cầm tại tiệm cầm đồ BV), đều đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Ngô Quang Bình và hình dấu Cơ quan điều tra Công an

Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL496), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với các ông, bà Trương Thị D, Bùi Văn T3, Tạ Văn Đ, Viện kiểm sát xác định các ông, bà này đều không biết rõ chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số 59K2-156.37 mà các ông, bà đem cầm, nhận cầm từ các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Tấn T là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9.1] Đối với người tên Phát, ngày 29/4/2022 Công an Quận 6 đã ra thông báo truy tìm đối với đối tượng này và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị lúc nào bắt được Phát điều tra làm rõ giải quyết sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6 và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Tấn T khai sau khi chiếm đoạt chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số 59K2-156.37 của ông Trần Hữu T, các bị cáo đem đến tiệm cầm đồ BV (Hộ kinh doanh BV-H) cầm cho ông Tạ Văn Đ với giá 21.000.000 đồng. Quá trình điều tra, ông Bùi Văn T3 đã giao nộp chiếc xe trên để trả cho bị hại. Mặc dù, bên phía hộ kinh doanh và các ông Bùi Văn T3, Tạ Văn Đ không yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại số tiền mà hộ kinh doanh đã bỏ ra để cầm chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số 59K2-156.37 (theo ba Biên bản ghi lời khai cùng ngày 15/12/2021 của Công an Quận 6 - BL174, 180, 185), nhưng xét đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử buộc các bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[11] Các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Tấn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Trần Văn S (Sun), Nguyễn Tấn T** phạm tội: «Trộm cắp tài sản».

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn S (Sun)** 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 04/12/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn T** 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 15/02/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Văn S bồi thường cho ông Nguyễn Hồng H 4.000.000 (bốn triệu) đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Viết H1 6.500.000 (sáu triệu năm trăm ngàn) đồng; bồi thường cho ông Trần Hữu T 22.750.000 (hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng; bồi thường cho bà Trần Thị Ngọc T2 10.750.000 (mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T bồi thường cho ông Nguyễn Hồng H 4.000.000 (bốn triệu) đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Viết H1 6.500.000 (sáu triệu năm trăm ngàn) đồng; bồi thường cho ông Trần Hữu T 22.750.000 (hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng; bồi thường cho bà Trần Thị Ngọc T2 10.750.000 (mười triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày các ông, bà Nguyễn Hồng H, Nguyễn Viết H1, Trần Hữu T, Nguyễn Thị Ngọc Ng, Trần Thị Ngọc T2 có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Tấn T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Tấn T còn phải trả các ông, bà Nguyễn Hồng H, Nguyễn Viết H1, Trần Hữu T, Nguyễn Thị Ngọc Ng, Trần Thị Ngọc T2 khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Văn S nộp lại 10.500.000 (mười triệu năm trăm ngàn) đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T nộp lại 10.500.000 (mười triệu năm trăm ngàn) đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 59X2-131.14, số máy: 16S2-166058, số khung: RLCS16S20BY166073 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Taurus, sơn màu Đen, dung tích 113) và 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 004326 ngày 02/7/2011 (mang tên Lê Minh T5) thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm. Nếu hết

thời hạn trên mà vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc áo thun tay dài, màu xám đen, sọc ngang (có hoa văn in chữ GUGGI); 01 (một) chiếc áo Jean tay dài, màu xám đen (dưới cổ áo có ghi chữ Abercrombie & Fitch, New York); 01 (một) chiếc quần sọt màu xám đen (trước quần có thêu hoa văn hình ngôi sao màu trắng, ống quần bên trái có nhãn màu trắng, có chữ ESPRIT màu đỏ); 01 (một) đôi dép màu đen số 41 (quai dép có chữ HAFA STAR); 01 (một) con heo đất màu xanh đỏ (bề phần đuôi); 01 (một) chiếc ví màu nâu (có chữ Polo); 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh (có chữ Piaggio); 01 (một) chiếc ví hình chữ nhật màu đen (có chữ DEGREY); 01 (một) hộp giấy màu đen (có chữ CHARELS & KEITH); 01 (một) hộp giấy màu xanh trắng (có chữ Oppo Reno 4); 01 (một) hộp giấy màu trắng (có chữ Oppo A9); 01 (một) hộp giấy màu trắng (có chữ Samsung A50); 01 (một) hộp giấy màu trắng (có chữ Iphone).

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Nguyễn Tấn T 01 (một) Căn cước công dân mang tên Nguyễn Tấn T.

Giao 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 52M7-4252, số máy: 1P50FMG-310053506, số khung: VFCPCG0A3YF010591 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Mingxing, sơn màu Nâu, dung tích 97) cho Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giữ để điều tra, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật, do xét thấy có liên quan trong vụ án trộm cắp tài sản.

(theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn S phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.275.000 (hai triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.275.000 (hai triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày

07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Trần Văn S, Nguyễn Tấn T; bị hại Trần Hữu T, Trần Thị Ngọc T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Nguyễn Hồng H, Nguyễn Viết H1, Nguyễn Thị Ngọc Ng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được thông đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên